

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOA LƯ
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14/7/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Luận
2. Ông Lê Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 14/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 08/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/2/2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 6/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm: 1995, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Ph, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, chỗ ở hiện nay: số nhà 96, tổ dân phố Đồi Cao 1, phường Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1993, trú tại: thôn Ph, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Đức M, số nhà 96, tổ dân phố Đồi Cao 1, phường Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/2/2023, trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Thúy D trình bày: Chị và anh Hoàng Văn B tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình vào ngày 14/2/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn Ph, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, thậm chí đánh nhau. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm. Mặt khác, anh B không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, sống vô tâm, thường xuyên tụ tập, chơi bời. Chị đã góp ý với

anh B nhiều lần nhưng anh B vẫn chứng nào tật ấy, không thay đổi. Chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thành phố T sinh sống và ly thân với anh B từ cuối năm 2022 đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm, quan hệ gì với nhau. Đề nghị tòa án cho chị được ly hôn anh B.

Chị và anh B có 02 con chung là cháu Hoàng Quỳnh A, sinh ngày 03/7/2016 và Hoàng Thu H, sinh ngày 16/10/2017. Hiện cháu A đang sống cùng anh B và cháu H đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu H còn anh B nuôi cháu Quỳnh A, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng.

Ý kiến của bị đơn - anh Hoàng Văn B: Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập, thông báo cho anh B nhiều lần nhưng anh B không đến tòa án làm việc và không có ý kiến gửi tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của con chung: Cháu Hoàng Quỳnh A là con của anh B, chị D có nguyện vọng muốn được ở với bố trong trường hợp bố mẹ ly hôn.

Ý kiến của người làm chứng: Ông Nguyễn Đức M có ý kiến: Con gái ông là Nguyễn Thị Thúy D, trong thời gian về làm dâu ở thôn Ph, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình vì vợ chồng không ở được với nhau nên đã đưa một con chung là Hoàng Thu H về ở cùng gia đình ông. Ông xác định gia đình ông đảm bảo chỗ ở và đảm bảo cho việc sinh sống của mẹ con chị D tại gia đình.

Tại biên bản xác minh của tòa án, chính quyền địa phương xã N cho biết: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh B, chị D sống ở thôn Ph, xã N. Anh B, chị D sống hạnh phúc, bình thường đến năm 2020 - 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không nắm rõ. Dư luận tại địa phương nói là do anh B nợ nần, không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng có ly thân một thời gian sau đó lại quay về chung sống cùng nhau. Thời gian gần đây thì chị D đã cùng cháu H về ở nhà bố mẹ đẻ của chị D ở T sinh sống. Chị D trước đây là công nhân còn anh B là lao động tự do chuyên làm thuê cho các xưởng đá mỹ nghệ tại địa phương. Anh B, chị D ở riêng nhà trên cùng thửa đất với bố mẹ anh B. Từ khi chị D về ở thì cháu Hoàng Quỳnh A ở cùng anh B. Hàng ngày, anh B đi làm thì cháu Quỳnh A có sự giúp đỡ chăm sóc của bố mẹ và em trai của anh B.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có mặt khi tòa án triệu tập là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2

Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử: cho ly hôn giữa chị D và anh B, giao cháu H cho chị D và giao cháu Quỳnh A cho anh B nuôi dưỡng. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền thăm nom con chung. Chị D phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tại phiên tòa, bị đơn, người làm chứng vắng mặt không có lý do. HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị D là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Qua ý kiến của nguyên đơn, người làm chứng và xác minh của tòa án tại chính quyền địa phương, HĐXX xác định trong quá trình chung sống, vợ chồng anh B, chị D đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh B không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng đã có thời gian ly thân trước đó nhưng sau khi quay lại chung sống với nhau vẫn không hàn gắn được dẫn đến vợ chồng lại sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay. Chị D xin ly hôn, anh B không có ý kiến và không đến tòa án để làm việc cho thấy bản thân anh B, chị D đều không muốn níu kéo quan hệ hôn nhân, không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. HĐXX xác định mâu thuẫn giữa anh B, chị D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cần chấp nhận yêu cầu của chị D về việc ly hôn với anh B theo quy định tại khoản 1 điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh B, chị D có 02 con chung là cháu Hoàng Quỳnh A, sinh ngày 03/7/2016 và Hoàng Thu H, sinh ngày 16/10/2017. Xét thấy, chị D, anh B đều có đủ điều kiện để chăm lo cho con chung và cháu Quỳnh A có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn nên cần giao cháu Quỳnh A cho anh B và giao cháu H cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Anh B, chị D không có yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung khi ly hôn nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Chị D phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Xử:

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa anh Hoàng Văn B và chị Nguyễn Thị Thúy D.

2. *Về con chung:* Giao con chung là cháu Hoàng Quỳnh A, sinh ngày 03/7/2016 cho anh B và giao con chung là cháu Hoàng Thu H, sinh ngày 16/10/2017 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh B, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết, anh B, chị D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về án phí:* Chị D phải nộp 300.000 đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002243 ngày 16/2/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoa Lư. Chị D đã nộp đủ.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Hoa Lư;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoa Lư;
- UBND xã Ninh Vân;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(*đã ký*)

Vũ Thị Kim Oanh